



Số: 48/2023/CV-HAGL

(Về việc: Giải trình BCTC Hợp nhất bán niên 2023 đã được soát xét)

Gia Lai, ngày 29 tháng 8 năm 2023

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Tp. Hồ Chí Minh

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") (mã CK: HAG) giải trình biến động kết quả hoạt động kinh doanh và ý kiến nhấn mạnh của kiểm toán viên trên báo cáo tài chính ("BCTC") hợp nhất bán niên 2023 đã được soát xét như sau:

I. Giải trình biến động kết quả kinh doanh trên báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2023 và báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2022 đã được soát xét:

ĐVT: Ngân VND

Khoản mục	BCTC hợp nhất bán niên 2023 (Đã soát xét)	BCTC hợp nhất bán niên 2022 (Đã soát xét)	Biến động
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	385.190.315	522.841.731	(137.651.416)

Biến động chủ yếu như sau:

- Lợi nhuận gộp tăng 163.076.660 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu do doanh thu bán heo, trái cây và hàng hóa trong 6 tháng đầu năm 2023 tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2022.
- Doanh thu hoạt động tài chính giảm 31.985.180 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là do giảm lãi từ việc thanh lý các khoản đầu tư.
- Chi phí tài chính giảm 507.981.900 ngàn VND, nguyên nhân chủ yếu là dự phòng các khoản đầu tư vào Nhóm Công ty HNG giảm. Đồng thời, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái cũng giảm so với cùng kỳ năm 2022.
- Chi phí quản lý doanh nghiệp biến động lớn là do giảm hoàn nhập dự phòng các công nợ phải thu.

II. Giải trình ý kiến nhấn mạnh trong Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2023 đã được soát xét:

Trong Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2023 đã được soát xét, kiểm toán viên có nhấn mạnh đến khoản lỗ lũy kế của Tập đoàn là 2.959.485.365 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.004.020.086 ngàn VND. Các điều kiện này cho thấy sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2023 đã được soát xét, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thu hồi nợ từ các đối tác, dòng tiền từ việc phát hành cổ phiếu riêng lẻ cho các cổ đông, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay và trái phiếu có liên quan. Tập đoàn đang trong quá trình đàm phán tái cơ cấu một số khoản nợ quá hạn; đồng thời, hoạt động kinh doanh từ heo và chuỗi tiếp tục tạo ra nguồn tiền lớn trong năm 2023. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ khi đến hạn

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Trụ sở Chính: 15 Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Tp.Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Tel: (+84) 0269 2225 888 Fax: (+84) 0269 2222 335 Email: info@hagl.com.vn



và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn tiến hành lập báo cáo tài chính hợp nhất bán niên năm 2023 trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Trên đây là giải trình của Công ty về Báo cáo tài chính hợp nhất bán niên 2023 đã được soát xét.

Trân trọng kính chào.

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG ANH GIA LAI

TỔNG GIÁM ĐỐC



VÕ TRƯỜNG SƠN

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu VT-KH&ĐT

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023



Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	3
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	4 - 5
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	6 - 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	9 - 10
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	11 - 76

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCK HCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp, hai (2) công ty liên kết và bốn (4) chi nhánh.

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị ("HĐQT") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch	
Ông Võ Trường Sơn	Thành viên	
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên	
Ông Nguyễn Chí Thắng	Thành viên	bổ nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023
Ông Trần Văn Dai	Thành viên độc lập	
Bà Võ Thị Huyền Lan	Thành viên độc lập	miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2023

BAN KIỂM SOÁT

Thành viên Ban Kiểm soát ("BKS") trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Bà Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng Ban
Ông Lê Hồng Phong	Thành viên
Ông Phạm Ngọc Châu	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo là Ông Võ Trường Sơn.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- ▶ lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

Số tham chiếu: 60752790/66926721/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông và Hội đồng Quản trị của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn"), được lập vào ngày 29 tháng 8 năm 2023 và được trình bày từ trang 6 đến trang 76 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.6 của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập Đoàn có khoản lỗ lũy kế là 2.959.485.365 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.004.020.086 ngàn VND. Các điều kiện này cùng với những vấn đề khác được nêu trong Thuyết minh số 2.6 cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Kết luận của chúng tôi về công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không liên quan đến vấn đề cần nhấn mạnh này.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Lê Vũ Trường
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNDKHN kiểm toán
Số: 1588-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		7.816.012.477	8.038.560.913
110	I. Tiền	5	50.076.560	72.372.525
111	1. Tiền		50.076.560	72.372.525
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		6.477.821.085	6.765.361.545
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.424.617.572	906.404.137
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	850.955.715	766.151.359
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	1.942.761.062	4.017.224.678
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	2.356.347.537	1.155.995.000
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 7, 8, 9	(96.860.801)	(80.413.629)
140	III. Hàng tồn kho	10	1.258.181.392	1.148.037.609
141	1. Hàng tồn kho		1.260.522.967	1.150.379.184
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(2.341.575)	(2.341.575)
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		29.933.440	52.789.234
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		11.310.228	17.274.977
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ		15.488.094	32.372.352
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		3.135.118	3.141.905
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		13.096.682.745	11.759.826.640
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		1.055.436.907	2.430.132.241
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	8	1.038.029.767	1.745.420.930
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	35.466.804	702.237.574
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	9	(18.059.664)	(17.526.263)
220	II. Tài sản cố định		5.711.253.659	3.821.150.484
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	5.454.963.086	3.559.467.131
222	Nguyên giá		6.822.973.702	4.624.944.890
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(1.368.010.616)	(1.065.477.759)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	256.290.573	261.683.353
228	Nguyên giá		290.178.419	291.426.419
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(33.887.846)	(29.743.066)
230	III. Bất động sản đầu tư	13	37.133.450	59.975.442
231	1. Nguyên giá		47.003.809	74.075.831
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(9.870.359)	(14.100.389)
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		5.494.681.491	4.620.301.248
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	14	5.494.681.491	4.620.301.248
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn	16	449.156.738	441.689.596
252	1. Đầu tư vào các công ty liên kết		16.888.792	-
253	2. Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác		1.049.961.081	1.049.961.081
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(617.693.135)	(608.271.485)
260	VI. Tài sản dài hạn khác		349.020.500	386.577.629
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	17	329.795.223	370.108.968
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	32.2	19.225.277	16.468.661
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		20.912.695.222	19.798.387.553

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		15.690.007.862	14.603.644.212
310	I. Nợ ngắn hạn		9.820.032.563	9.218.063.487
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	18	937.729.199	535.119.892
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	19	414.692.457	629.603.992
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	20	12.234.856	8.789.821
314	4. Phải trả người lao động		72.574.566	80.012.780
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	21	4.116.154.882	3.857.898.088
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	22	151.754.066	106.050.215
320	7. Vay ngắn hạn	23	4.114.789.027	4.000.485.189
322	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		103.510	103.510
330	II. Nợ dài hạn		5.869.975.299	5.385.580.725
333	1. Chi phí phải trả dài hạn	21	683.440.380	490.236.779
337	2. Phải trả dài hạn khác	22	812.453.702	308.838.184
338	3. Vay dài hạn	23	3.970.109.642	4.165.134.234
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	32.2	398.606.741	416.006.694
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		5.364.834	5.364.834
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		5.222.687.360	5.194.743.341
410	I. Vốn chủ sở hữu		5.222.687.360	5.194.743.341
411	1. Vốn cổ phần	24.1	9.274.679.470	9.274.679.470
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		9.274.679.470	9.274.679.470
415	2. Cổ phiếu quỹ	24.1	(686.640)	(686.640)
417	3. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	24.1	(1.583.374.788)	(1.221.066.442)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển	24.1	282.410.699	282.410.699
421	5. Lỗ lũy kế	24.1	(2.959.485.365)	(3.341.007.157)
421a	- Lỗ lũy kế đến cuối kỳ trước		(3.341.775.157)	(4.469.752.553)
421b	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này		382.289.792	1.128.745.396
429	6. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	25	209.143.984	200.413.411
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		20.912.695.222	19.798.387.553

Phạm Thị Thu Hà
Người lập

Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	3.155.283.172	2.036.204.596
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	27.1	(10.422.089)	(6.161.292)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	27.1	3.144.861.083	2.030.043.304
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	28	(2.516.321.863)	(1.564.580.744)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		628.539.220	465.462.560
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.2	255.811.085	287.796.265
22	7. Chi phí tài chính	29	(553.807.404)	(1.061.789.304)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(482.102.116)	(386.306.194)
24	8. Phần lỗ trong công ty liên kết		(11.069.302)	-
25	9. Chi phí bán hàng	30	(105.092.660)	(142.666.379)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	30	(82.836.569)	955.742.768
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		131.544.370	504.545.910
31	12. Thu nhập khác	31	276.433.242	30.496.415
32	13. Chi phí khác	31	(36.559.133)	(71.288.421)
40	14. Lợi nhuận (lỗ) khác	31	239.874.109	(40.792.006)
50	15. Lợi nhuận kế toán trước thuế		371.418.479	463.753.904
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	32.1	(6.384.733)	(1.562.650)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	32.1	20.156.569	60.650.477
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		385.190.315	522.841.731
61	19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ		382.289.792	529.748.535
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		2.900.523	(6.906.804)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	26	412	571
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	26	412	571



Phạm Thị Thu Hà
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận kế toán trước thuế		371.418.479	463.753.904
	<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>			
02	Khấu hao và hao mòn (bao gồm phân bổ lợi thế thương mại)	11, 12 13	229.644.932	181.370.773
03	Dự phòng (hoàn nhập dự phòng)		10.975.094	(512.458.750)
04	Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		44.949.390	152.884.773
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(496.351.875)	(287.198.910)
06	Chi phí lãi vay	29	482.102.116	386.306.194
08	Lợi nhuận của hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		642.738.136	384.657.984
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(742.054.540)	497.074.803
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		111.676.618	(287.125.761)
11	Giảm các khoản phải trả		(225.887.976)	(533.357.495)
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		100.753.268	(131.082.275)
14	Tiền lãi vay đã trả		(64.339.937)	(65.352.216)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	32.1	(1.517.294)	(706.532)
20	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động kinh doanh		(178.631.725)	(135.891.492)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và tài sản dài hạn khác		(66.893.203)	(127.633.013)
22	Tiền thu do thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác		9.879.869	3.112.340
23	Tiền chi cho các đơn vị khác vay		(85.228.550)	(1.975.172.657)
24	Tiền thu hồi cho vay		312.378.248	1.171.091.212
25	Tiền chi để đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác trừ đi tiền thu về		(14.055.454)	(232.446.836)
26	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	791.244.823
27	Tiền thu lãi cho vay, tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia		10.451.134	36.817.031
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		166.532.044	(332.987.100)

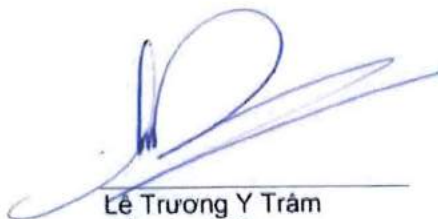
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Ngàn VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát		-	20.094.000
33	Tiền thu từ đi vay	23	1.307.136.598	1.159.326.883
34	Tiền trả nợ gốc vay	23	(1.317.332.882)	(671.151.014)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(10.196.284)	508.269.869
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(22.295.965)	39.391.277
60	Tiền đầu kỳ		72.372.525	78.298.037
70	Tiền cuối kỳ	5	50.076.560	117.689.314



Phạm Thị Thu Hà
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trương Sơn
Tổng Giám đốc

Ngày 29 tháng 8 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh ("GCNĐKKD") số 3903000083, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 1 tháng 6 năm 2006, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("SGDCKHCM") theo Quyết định số 124/QĐ-SGDHCM do SGDCKHCM cấp ngày 15 tháng 12 năm 2008 với mã giao dịch "HAG".

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp và hai (2) công ty liên kết với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực nông nghiệp				
(1) Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	98,00	98,00
(2) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(3) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay ("Khăn Xay")	Attapeu, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(4) Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai ("Chăn nuôi Gia Lai")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	88,03	88,03
(5) Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Mang Yang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	51,00	44,90
(6) Công ty Cổ Phần Gia súc Lơ Pang	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,75
(7) Công ty Cổ phần Lê Me	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	100,00	98,76
(8) Công ty TNHH Sản xuất Bột mì	Stung Treng, Campuchia	Trước hoạt động (i)	100,00	98,76
(9) Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven	Champasak, Lào	Đang hoạt động	100,00	98,00
(10) Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu	Attapeu, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	97,77
(11) Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	100,00	97,77
(12) Công ty Cổ phần Trồng Trọt Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Trước hoạt động (i)	100,00	98,51

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bảy (7) công ty con trực tiếp, tám (8) công ty con gián tiếp và một (1) công ty liên kết với chi tiết như sau: (tiếp theo)

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
Lĩnh vực xây dựng, kinh doanh và dịch vụ				
(13) Công ty Cổ phần Thể thao Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,97
(14) Công ty Cổ phần Bệnh viện Đại học Y dược - Hoàng Anh Gia Lai ("Bệnh viện HAGL")	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	100,00	99,93
(15) Công ty TNHH Hoàng Anh Gia Lai Vientiane	Viêng Chăn, Lào	Trước hoạt động (i)	100,00	100,00
Công ty liên kết				
(1) Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông	Hồ Chí Minh, Việt Nam	Đang hoạt động	25,00	25,00
(2) Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	34,00	44,50

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty có bốn (4) chi nhánh với chi tiết như sau:

Tên công ty con	Trụ sở	Tình trạng hoạt động	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Tỷ lệ sở hữu (%)
-----------------	--------	----------------------	----------------------	------------------

Các chi nhánh hạch toán phụ thuộc

Dịch vụ hàng hóa - xây dựng

(1) Chi nhánh Nguyên vật liệu - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(2) Chi nhánh Cơ khí - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
(3) Chi nhánh Chế biến Hoa quả - Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-

Quản lý bất động sản và khách sạn

(4) Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai	Gia Lai, Việt Nam	Đang hoạt động	-	-
---------------------------------	-------------------	----------------	---	---

(i) Tình trạng trước hoạt động là tình trạng công ty con đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng cơ bản, vẫn chưa bắt đầu hoạt động kinh doanh chính vào ngày 30 tháng 6 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN CÔNG TY (tiếp theo)

Hoạt động chính được đăng ký của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") là quản lý các khoản đầu tư; kinh doanh vật tư và máy móc thiết bị ngành trồng trọt và chăn nuôi; dịch vụ nông nghiệp; cơ khí; kinh doanh khách sạn; trồng và kinh doanh trái cây và các loại cây trồng khác; chăn nuôi và kinh doanh heo, bò; sản xuất và mua bán cây giống; và các hoạt động về thể thao và giải trí.

Công ty có trụ sở chính tọa lạc tại Số 15, Đường Trường Chinh, Phường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty cũng có các chi nhánh hạch toán phụ thuộc tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam.

Số lượng nhân viên ký kết hợp đồng lao động dài hạn của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 là 2.484 (ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2.754).

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam Số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Đơn vị tiền tệ trong kế toán của Tập đoàn là VND. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("Ngàn VND").

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi hoặc lỗ và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con. Trong trường hợp Tập đoàn không còn nắm quyền kiểm soát các công ty con thì báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sẽ bao gồm cả kết quả hoạt động kinh doanh của giai đoạn thuộc giai đoạn báo cáo mà trong giai đoạn đó Tập đoàn vẫn còn nắm quyền kiểm soát.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu các công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lỗ lũy kế.

2.6 Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được lập dựa trên cơ sở hoạt động liên tục, với giả định rằng Tập đoàn sẽ có thể sử dụng các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả của Tập đoàn trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trong tương lai gần.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có khoản lỗ lũy kế là 2.959.485.365 ngàn VND, và tại ngày này, nợ ngắn hạn của Tập đoàn đã vượt quá tài sản ngắn hạn với số tiền là 2.004.020.086 ngàn VND. Ngoài ra, tại ngày này, Tập đoàn cũng đang vi phạm một số cam kết đối với hợp đồng trái phiếu và đang chưa thanh toán các khoản nợ gốc vay và lãi trái phiếu đến hạn thanh toán như được trình bày tại Thuyết minh số 23. Những điều kiện này cho thấy có sự tồn tại của yếu tố không chắc chắn trọng yếu có thể dẫn đến nghi ngờ đáng kể về khả năng hoạt động liên tục của Tập đoàn.

Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn đã lập kế hoạch cho 12 tháng tiếp theo bao gồm dòng tiền dự kiến sẽ được tạo ra từ việc thanh lý một phần các khoản đầu tư tài chính, thanh lý tài sản, thu hồi các khoản cho vay từ các đối tác, tiền đi vay các ngân hàng thương mại và dòng tiền tạo ra từ các dự án đang triển khai. Tập đoàn cũng đang trong quá trình làm việc với các bên cho vay về việc điều chỉnh các điều khoản đã bị vi phạm của các hợp đồng vay có liên quan. Theo đó, Tập đoàn có thể hoàn trả các khoản nợ đến hạn và tiếp tục hoạt động trong kỳ kế toán tiếp theo. Dựa trên các cơ sở này, Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở đáp ứng giả định hoạt động liên tục.

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể cần được thực hiện nếu báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được lập trên cơ sở hoạt động không liên tục.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi các khoản nợ phải thu khó đòi được xác định là không thể thu hồi được và kế toán thực hiện xóa nợ, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dư phòng nợ phải thu khó đòi và giá gốc nợ phải thu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến (bao gồm chi phí nguyên vật liệu, chi phí lao động trực tiếp, chi phí liên quan trực tiếp khác, chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường dựa trên giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cuối kỳ với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu xây dựng, công cụ dụng cụ và hàng hóa	- Chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	- Giá gốc thành phẩm áp dụng phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng

Chi phí công trình dở dang xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là chi phí công trình dở dang - Hợp đồng xây dựng theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của chi phí công trình dở dang bao gồm:

- ▶ Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- ▶ Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, đền bù giải phóng mặt bằng, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của chi phí công trình dở dang trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Giá vốn của chi phí công trình dở dang đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành công trình dở dang đó và chi phí chung được phân bổ trên hạng mục hoàn tất tương ứng của công trình dở dang đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Khi hàng tồn kho bị hủy bỏ do hết hạn sử dụng, mất phẩm chất, hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, các khoản chênh lệch phát sinh giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho đã trích lập và giá gốc hàng tồn kho được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa đất vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được phân bổ trong thời gian sử dụng hữu ích ước tính.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	4 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 20 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2 - 20 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Cây trồng lâu năm	10 - 20 năm
Quyền sử dụng đất	20 năm
Chương trình phần mềm	5 - 8 năm
Tài sản khác	8 - 15 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn không xác định thì không trích hao mòn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Khấu hao và hao mòn (tiếp theo)

Khấu hao các vườn cây

Chi tiết như sau:

<i>Năm khai thác</i>	<i>Tỷ lệ khấu hao (%)</i>	
	<i>Vườn cây chuối</i>	
		<i>(i)</i>
Năm thứ 1		10,00
Năm thứ 2		10,00
Năm thứ 3		10,00
Năm thứ 4		10,00
Năm thứ 5		10,00
Năm thứ 6		10,00
Năm thứ 7		10,00
Năm thứ 8		10,00
Năm thứ 9		10,00
Năm thứ 10		Giá trị còn lại
Năm thứ 11		
Năm thứ 12		
Năm thứ 13		
Năm thứ 14		
Năm thứ 15		
Năm thứ 16		
Năm thứ 17		
Năm thứ 18		
Năm thứ 19		
Năm thứ 20		

Vườn cây ăn quả

Ban Tổng Giám đốc ước tính tiêu chuẩn xác định vườn cây đủ điều kiện khai thác để hạch toán tài sản và trích khấu hao khi tỷ lệ đậu trái đạt trên 50% số cây trồng trong lô kể từ thời gian xử lý ra trái.

- (i)* Khấu hao đối với vườn cây chuối được thực hiện dựa trên Quyết định số 0106/QĐ-HAGL Agrico ngày 1 tháng 6 năm 2020 hướng dẫn tỷ lệ trích khấu hao vườn cây chuối theo chu kỳ khai thác.
- (ii)* Khấu hao đối với các vườn cây còn lại được thực hiện dựa trên các Quyết định khác có liên quan của Ban Tổng Giám đốc.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Bất động sản đầu tư*

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao và/hoặc giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	30 năm
Quyền sử dụng đất	36 - 43 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 *Chi phí xây dựng cơ bản dở dang*

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí lũy kế liên quan trực tiếp đến việc xây dựng và phát triển các tòa nhà, vườn cây của Tập đoàn mà các dự án này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà xưởng, văn phòng và vật kiến trúc của Tập đoàn như chi phí xây dựng, chi phí khảo sát, thiết kế và các chi phí có liên quan khác.

Vườn cây

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển vườn cây ăn quả và các vườn cây khác như chi phí khảo sát, đền bù đất, khai hoang, vườn ươm, phân bón, vận chuyển cây giống, nguyên vật liệu khác, chi phí nhân công, đường đi và hàng rào, phòng cháy chữa cháy và bảo vệ, thuốc diệt cỏ và các chi phí liên quan khác.

Dự án chăn nuôi

Bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát triển dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó vào thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên đi thuê

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

Trong trường hợp Tập đoàn là bên cho thuê

Tài sản theo hợp đồng cho thuê hoạt động được ghi nhận là bất động sản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ. Chi phí trực tiếp ban đầu để thương thảo thỏa thuận cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh. Thu nhập từ tiền cho thuê được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian cho thuê.

Trường hợp tài sản cho thuê dài hạn thỏa các điều kiện sẽ được ghi nhận doanh thu một lần đối với toàn bộ số tiền cho thuê nhận trước theo quy định của Thông tư 200/2014/TT-BTC.

3.10 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn.

Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, trừ khi các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể được vốn hóa vào nguyên giá tài sản. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các kỳ mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành.

3.11 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và chủ yếu là công cụ, dụng cụ, tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước, chi phí phát triển vườn cây ăn quả, chi phí khai hoang, chi phí phát triển cầu thủ và các chi phí khác. Các chi phí trả trước được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

- ▶ Tiền thuê đất và thuê văn phòng trả trước được phân bổ theo thời hạn thuê;
- ▶ Công cụ dụng cụ xuất dùng trong nhiều năm với giá trị lớn, được phân bổ dần không quá ba (3) năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ;
- ▶ Chi phí phát triển cây ăn quả, vườn cây khác, chi phí khai hoang bao gồm: chi phí giống, chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn. Các chi phí này được phân bổ theo thời gian gắn liền với đặc tính sinh trưởng của từng loại cây. Chi phí chuẩn bị đất, trồng và chăm sóc vườn cây được phân bổ theo thời gian mà các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này; và
- ▶ Chi phí dự án chăn nuôi.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại*

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý vào ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý vào ngày hợp nhất kinh doanh.

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí từ việc hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của công ty con được mua, khoản chênh lệch được ghi nhận trực tiếp vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính tối đa là mười (10) năm. Định kỳ Tập đoàn đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn so với số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong trường hợp Công ty mua lợi ích của cổ đông không kiểm soát của công ty con, chênh lệch giữa giá mua và giá trị ghi sổ tương ứng với lợi ích của cổ đông không kiểm soát được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Trường hợp trước đây công ty mẹ đã thoái một phần vốn tại công ty con và đã ghi nhận kết quả từ việc thoái phần vốn đó trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) của bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, nay thoái thêm một phần vốn đầu tư tại công ty con dẫn đến mất quyền kiểm soát thì công ty mẹ phải kết chuyển phần lãi, lỗ đã ghi nhận trước đây trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/(lỗ lũy kế) sang báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.13 *Mua tài sản và hợp nhất kinh doanh*

Tập đoàn mua các công ty con sở hữu tài sản và có các hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại thời điểm mua, Tập đoàn sẽ xác định việc mua công ty con có phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh hay không. Giao dịch này được coi là hoạt động hợp nhất kinh doanh nếu công ty con có các hoạt động sản xuất kinh doanh gắn liền với tài sản được mua.

Nếu việc mua lại công ty con không phải là giao dịch hợp nhất kinh doanh, giao dịch đó được hạch toán như là một giao dịch mua một nhóm các tài sản và nợ phải trả. Giá phí mua được phân bổ vào các tài sản và nợ phải trả dựa trên giá trị hợp lý tương ứng của các tài sản và nợ phải trả, và không có lợi thế thương mại hay thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận.

3.14 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết của Tập đoàn được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào các công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào các công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận/(lỗ) của các công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của các công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Cổ tức nhận được/lợi nhuận được chia từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào các công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của các công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất giữa niên độ thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư vào đơn vị khác

Đầu tư vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá mua thực tế.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.15 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.16 Dự phòng

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.17 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn sau khi trích lập quỹ khen thưởng và phúc lợi (nếu có) và đã điều chỉnh cho lãi ghi nhận trong kỳ của trái phiếu chuyển đổi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.18 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo các nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Chuyển đổi báo cáo tài chính giữa niên độ của cơ sở hoạt động ở nước ngoài

Việc chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con mà việc ghi chép sổ sách được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được thực hiện như sau:

- Tài sản và nợ phải trả được quy đổi tương ứng theo tỷ giá mua và bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch vào ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập khác và các khoản chi phí được quy đổi theo tỷ giá bình quân trong kỳ; và
- Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái khi chuyển đổi báo cáo tài chính của công ty con cho mục đích hợp nhất giữa niên độ được ghi nhận vào khoản mục "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" thuộc nguồn vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi khoản đầu tư được thanh lý.

3.19 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo giá gốc và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi/lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.20 *Phân chia lợi nhuận*

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm các khoản lãi từ giao dịch mua giá rẻ) có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Hội đồng Quản trị đề nghị và được Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông thường niên.

▶ *Quỹ đầu tư phát triển*

Quỹ này được trích lập nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

▶ *Quỹ khen thưởng và phúc lợi*

Quỹ này được trích lập nhằm đem lại phúc lợi chung và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.21 *Ghi nhận doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu từ việc cung cấp các dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được thực hiện.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận khi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết khi Tập đoàn có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) vào thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ▶ Tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con và các công ty liên kết chỉ được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi giảm đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.22 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

3.23 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nêu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

3.24 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác.

Bộ phận theo hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được xác định dựa trên việc bán các sản phẩm (trồng cây, thương mại và dịch vụ). Ban Tổng Giám đốc xác định bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn dựa theo địa điểm của tài sản.

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ

4.1 Mua Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven ("Bolaven")

Vào ngày 1 tháng 4 năm 2023, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng, một công ty con trong Tập đoàn, đã hoàn tất việc nhận chuyển nhượng toàn bộ vốn chủ sở hữu trong Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven ("Bolaven") từ các cổ đông hiện hữu, và đồng thời thực hiện việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Bolaven thành khoản đầu tư với tổng giá trị là 173.858.904 ngàn VND. Theo đó, Bolaven đã trở thành công ty con của Tập đoàn kể từ ngày này. Tại ngày mua, Bolaven sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Champasak, Lào là 466,74 ha.

Bolaven là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Lào theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 16-00010765, do Sở Công thương và Thương mại Champasak cấp ngày 17 tháng 1 năm 2020. Hoạt động kinh doanh chính của Bolaven trong kỳ là trồng cây ăn trái.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.1 Mua Công ty TNHH Nông nghiệp Công Nghệ cao Bolaven (“Bolaven”) (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả có thể xác định được của Bolaven vào ngày hợp nhất kinh doanh được trình bày như sau:

	<i>VND</i> <i>Giá trị hợp lý được</i> <i>xác định tại ngày mua</i>
Tài sản	
Tiền	174.466
Hàng tồn kho	35.274
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.854.396
Tài sản cố định hữu hình	31.065.286
Xây dựng cơ bản dở dang	368.337.009
Tài sản dài hạn khác	54.526.527
	456.992.958
Nợ phải trả	
Các khoản phải trả ngắn và dài hạn	7.345.428
	7.345.428
	449.647.530
Giá trị tài sản thuần theo giá trị hợp lý	
<i>Trong đó:</i>	
<i>Phần tài sản thuần đã mua</i>	440.654.579
<i>Phần tài sản thuần thuộc các cổ đông không kiểm soát</i>	8.992.951
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ	(275.788.626)
<i>Trong đó:</i>	
<i>Lãi từ giao dịch mua giá rẻ của Tập đoàn (Thuyết minh số 31)</i>	(270.272.853)
<i>Lãi từ giao dịch mua giá rẻ của các cổ đông không kiểm soát</i>	(5.515.773)
	(173.858.904)
Tổng giá phí hợp nhất kinh doanh	
<i>Trong đó:</i>	
<i>Giá phí của Tập đoàn</i>	(170.381.726)
<i>Giá phí của các cổ đông không kiểm soát</i>	(3.477.178)

Vào ngày 8 tháng 3 năm 2023, việc đánh giá lại giá trị tài sản thuần của Bolaven đã được hoàn thành bởi Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn và đơn vị tư vấn độc lập. Theo đó, giá trị hợp lý tại ngày mua của tổng tài sản thuần của Bolaven là 449.647.530 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

4. CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG TRONG KỲ (tiếp theo)

4.2 *Mua Công ty Cổ phần Lê Me ("Lê Me")*

Vào ngày 20 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn đã hoàn tất việc chuyển đổi các khoản phải thu từ Lê Me thành khoản đầu tư, và đồng thời nhận chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần sở hữu bởi các cổ đông còn lại trong Lê Me, nhằm nắm giữ 393.232.600 cổ phần, tương đương với 100% tỷ lệ sở hữu trong công ty này, với tổng giá phí hợp nhất kinh doanh là 3.932.326.000 ngàn VND. Theo đó, Lê Me đã trở thành công ty con trong Tập đoàn kể từ ngày này. Ngoài ra, Tập đoàn cũng đồng thời nắm quyền kiểm soát các công ty con do Lê Me sở hữu tại ngày mua, bao gồm Công ty TNHH Sản xuất Bột mì, Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu, Công ty Cổ phần Chế biến thức ăn gia súc Trà Bá và Công ty Cổ phần Trồng Trọt Gia Lai.

Tại ngày mua, Lê Me và các công ty con đang sở hữu diện tích đất canh tác nông nghiệp tại Tỉnh Stung Treng, Campuchia là 2.931 ha và tại Tỉnh Attapeu, Lào là 218 ha. Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và đánh giá rằng việc mua cổ phần của Lê Me là mua tài sản, không phải là hợp nhất kinh doanh, cụ thể là phần diện tích đất cho mục đích phát triển các cây trồng nông nghiệp và xây dựng hệ thống chuồng trại chăn nuôi sau này.

Lê Me là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 5901099071, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Gia Lai cấp ngày 20 tháng 6 năm 2018. Hoạt động kinh doanh chính của Lê Me trong kỳ là trồng trọt và chăn nuôi.

4.3 *Mất quyền kiểm soát Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai ("BAPI")*

Theo Nghị quyết Đại Hội đồng Cổ đông Số 1301/NQ-BAPI.23 ngày 13 tháng 1 năm 2023, các cổ đông của Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai đã phê duyệt việc phát hành riêng lẻ thêm 5.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược mới nhằm mục đích tăng vốn cổ phần để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn, các cổ đông và các nhà đầu tư mới đã hoàn tất một phần việc tăng vốn trên. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong BAPI giảm từ 55% xuống 44,5%, và BAPI trở thành công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

5. TIỀN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Tiền mặt	7.326.563	7.219.381
Tiền gửi ngân hàng	42.749.997	65.153.144
TỔNG CỘNG	50.076.560	72.372.525

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.197.659.915	796.201.993
Phải thu về thanh lý khoản đầu tư	221.359.108	92.434.018
Trong đó:		
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	128.925.090	-
- Công ty TNHH Thủy điện Hoàng Anh Gia Lai	92.434.018	92.434.018
Phải thu khác	5.598.549	17.768.126
TỔNG CỘNG	1.424.617.572	906.404.137
Dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi	(22.614.643)	(13.368.976)
GIÁ TRỊ THUẬN	1.402.002.929	893.035.161
Trong đó:		
Phải thu các bên liên quan (Thuyết minh ("TM") số 33)	1.062.474.077	480.984.431
Phải thu các bên thứ ba	362.143.495	425.419.706

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (tiếp theo)

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu ngắn hạn khách hàng khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	13.368.976	66.752.042
Cộng: Mua công ty con trong kỳ	8.485.771	11.372.647
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	759.896	-
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(38.459.156)
Số cuối kỳ	<u>22.614.643</u>	<u>39.665.533</u>

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Trả trước cho nhà cung cấp hàng hóa và dịch vụ	841.815.942	746.030.453
Trong đó:		
- Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	454.830.261	482.478.677
- Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	210.779.970	130.642.069
- Công ty TNHH T.B.Y.B Angkor Banana	13.770.841	19.609.076
- Các nhà cung cấp khác	162.434.870	113.300.631
Trả trước cho nhà thầu xây dựng và mua máy móc thiết bị	9.139.773	20.120.906
TỔNG CỘNG	850.955.715	766.151.359
Dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi	(9.937.768)	(9.923.885)
GIÁ TRỊ THUẬN	841.017.947	756.227.474
Trong đó:		
Trả trước các bên liên quan (TM số 33)	665.610.231	620.489.246
Trả trước các bên thứ ba	185.345.484	145.662.113

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng trả trước cho người bán ngắn hạn khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	9.923.885	9.804.538
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	13.883	8.160.152
Số cuối kỳ	<u>9.937.768</u>	<u>17.964.690</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Cho vay ngắn hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	1.778.331.196	3.865.049.522
Cho vay ngắn hạn các bên khác (ii)	164.429.866	152.175.156
	<u>1.942.761.062</u>	<u>4.017.224.678</u>
Dài hạn		
Cho vay dài hạn bên liên quan (TM số 33) (i)	1.009.203.566	1.716.613.450
Cho vay dài hạn các bên khác (ii)	28.826.201	28.807.480
	<u>1.038.029.767</u>	<u>1.745.420.930</u>
TỔNG CỘNG	2.980.790.829	5.762.645.608
Dự phòng phải thu về cho vay khó đòi	(26.036.169)	(26.017.448)
GIÁ TRỊ THUẦN	2.954.754.660	5.736.628.160

Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu về cho vay khó đòi như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	26.017.448	1.392.199.669
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	18.721	270.034.632
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(1.296.732.434)
Số cuối kỳ	<u>26.036.169</u>	<u>365.501.867</u>
Trong đó:		
Dài hạn	17.544.984	-
Ngắn hạn	8.491.185	365.501.867

- (i) Đây là các khoản cho vay tín chấp cho các bên liên quan, có thời hạn hoàn trả từ cuối năm 2023 đến năm 2025 và hưởng lãi suất 10,40%/năm - 13,50%/năm.
- (ii) Đây là khoản cho vay tín chấp các bên khác với thời hạn hoàn trả từ cuối năm 2023 đến năm 2027 và hưởng lãi suất 10,40%/năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Đặt cọc Hợp tác Kinh doanh ("HTKD") (*)	1.520.000.000	-
Trong đó:		
- Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung	820.000.000	-
- Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai	700.000.000	-
Phải thu từ Hợp đồng HTKD với Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên (**)	350.000.000	-
Cho các công ty mượn	273.454.159	731.485.958
Phải thu lãi cho vay	176.067.865	398.751.950
Tạm ứng cho nhân viên	25.861.847	20.981.914
Phải thu ngắn hạn khác	10.963.666	4.775.178
	<u>2.356.347.537</u>	<u>1.155.995.000</u>
Dài hạn		
Phải thu lãi cho vay	22.754.769	149.468.394
Phải thu Hợp đồng HTKD	-	545.158.016
Phải thu dài hạn khác	12.712.035	7.611.164
	<u>35.466.804</u>	<u>702.237.574</u>
TỔNG CỘNG	<u>2.391.814.341</u>	<u>1.858.232.574</u>
Dự phòng phải thu khác khó đòi	(56.331.885)	(48.629.583)
GIÁ TRỊ THUẦN	<u>2.335.482.456</u>	<u>1.809.602.991</u>
Trong đó:		
Phải thu các bên thứ ba	1.865.111.047	553.161.696
Phải thu ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)	514.547.947	725.620.104
Phải thu dài hạn các bên liên quan (TM số 33)	12.155.347	579.450.774
Chi tiết tình hình tăng/(giảm) dự phòng phải thu khác khó đòi như sau:		
	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	48.629.583	141.973.642
Cộng: Mua công ty con trong kỳ	6.941.358	-
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	1.049.913	61.231.774
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(288.969)	(45.994.748)
Số cuối kỳ	<u>56.331.885</u>	<u>157.210.668</u>
Trong đó:		
Ngắn hạn	55.817.205	132.922.438
Dài hạn	514.680	24.288.230

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

9. PHẢI THU KHÁC (tiếp theo)

- (*) Đây là khoản đặt cọc theo các Hợp đồng đặt cọc HTKD nhằm phát triển dự án cây ăn trái với tổng diện tích ước tính là 4.484 ha với các công ty với chi tiết như sau:
- Hợp đồng đặt cọc HTKD Số 2905/2023/DCHTKD/LM-TT ngày 29 tháng 5 năm 2023 với Công ty TNHH Nông nghiệp Thành Trung với giá trị đặt cọc là 820.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án cây ăn trái tọa lạc tại Bản Madka và Bản Nongmuang, Huyện Sanamxay và Bản Kengnhay, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào. Các bên sẽ tiến hành HTKD vào năm 2024 và dự án dự kiến sẽ hoàn thành đầu tư vào năm 2026. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu.
 - Hợp đồng đặt cọc HTKD Số 2305/2023/DCHTKD/LM-PQ ngày 23 tháng 5 năm 2023 với Công ty TNHH Nông nghiệp Phú Quý Gia Lai với giá trị đặt cọc là 700.000.000 ngàn VND, nhằm phát triển dự án cây ăn trái tọa lạc tại Xã Ia Băng, Huyện Đăk Đoa và Huyện Chư Prông, Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Các bên sẽ tiến hành HTKD vào năm 2024 và dự án dự kiến sẽ hoàn thành đầu tư vào năm 2026. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu.
- (**) Đây là khoản phải thu từ Hợp đồng HTKD Số 2010/2020/HTĐTKD/LEME-DVTN ngày 20 tháng 10 năm 2020 với Công ty TNHH Dịch Vụ Nông nghiệp Tây Nguyên về việc hợp tác đầu tư vào dự án trồng cây ăn trái trong ba (3) năm, kể từ năm 2020. Dự án này tọa lạc tại Tỉnh Gia Lai, Việt Nam. Hợp đồng HTKD không yêu cầu thành lập pháp nhân mới và lợi nhuận sẽ được phân chia dựa vào kết quả kinh doanh của dự án, bắt đầu từ khi dự án phát sinh doanh thu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, dự án vẫn đang trong quá trình xây dựng cơ bản và chưa phát sinh doanh thu.

10. HÀNG TỒN KHO

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.100.159.437	994.930.021
<i>Trong đó:</i>		
- Chăn nuôi	805.963.216	876.904.395
- Hoạt động sản xuất, trồng trọt (i)	293.077.155	114.595.379
- Hợp đồng xây dựng	1.119.066	3.430.247
Nguyên vật liệu	86.980.198	83.992.908
Hàng hóa	54.955.395	53.467.217
Thành phẩm	13.419.791	15.894.595
Công cụ, dụng cụ	5.008.146	2.094.443
TỔNG CỘNG	1.260.522.967	1.150.379.184
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.341.575)	(2.341.575)
GIÁ TRỊ THUẦN	1.258.181.392	1.148.037.609

- (i) Một phần chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (hoạt động sản xuất, trồng trọt) được dùng để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng (TM số 23).

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận chuyển	Thiết bị văn phòng	Cây trồng lâu năm và vật nuôi	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	2.175.318.029	363.333.106	323.940.003	4.910.513	1.723.258.666	34.184.573	4.624.944.890
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	116.290.666	-	10.231.559	-	1.660.711.544	3.775.232	1.791.009.001
Mua mới trong kỳ	66.000	2.066.161	1.121.210	59.900	6.893.078	-	10.206.349
Mua công ty con	179.781.454	29.775.278	136.714.851	-	250.156.448	-	596.428.031
Mất quyền kiểm soát công ty con	(4.567.451)	(11.945.963)	(1.251.273)	(41.809)	-	-	(17.806.496)
Chênh lệch tỷ giá	(78.233.705)	(1.105.460)	(14.999.795)	-	(84.333.079)	-	(178.672.039)
Xóa sổ và thanh lý tài sản	(1.932.002)	(242.118)	(961.914)	-	-	-	(3.136.034)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	2.386.722.991	381.881.004	454.794.641	4.928.604	3.556.686.657	37.959.805	6.822.973.702
Trong đó:							
Đã khấu hao hết	28.733.331	20.944.578	25.206.768	2.941.847	6.797.500	28.166.726	112.790.750
Giá trị khấu hao lũy kế							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(409.224.984)	(172.350.951)	(123.327.917)	(4.066.907)	(325.012.208)	(31.494.792)	(1.065.477.759)
Khấu hao trong kỳ	(61.086.542)	(13.414.176)	(13.216.266)	(145.946)	(135.976.305)	(530.339)	(224.369.574)
Mua công ty con	(27.347.254)	(7.223.851)	(34.167.066)	-	(48.884.665)	-	(117.622.836)
Chênh lệch tỷ giá	13.785.268	286.939	10.837.732	-	11.940.396	-	36.850.335
Mất quyền kiểm soát công ty con	-	247.993	20.855	5.807	-	-	274.655
Xóa sổ và thanh lý tài sản	1.741.307	136.464	456.792	-	-	-	2.334.563
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	(482.132.205)	(192.317.582)	(159.395.870)	(4.207.046)	(497.932.782)	(32.025.131)	(1.368.010.616)
Giá trị còn lại							
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	1.766.093.045	190.982.155	200.612.086	843.606	1.398.246.458	2.689.781	3.559.467.131
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	1.904.590.786	189.563.422	295.398.771	721.558	3.058.753.875	5.934.674	5.454.963.086
Trong đó:							
Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)	977.946.830	189.563.422	295.398.771	111.893	849.446.936	4.175.299	2.316.643.151

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Ngàn VND		
	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	273.552.454	17.873.965	291.426.419
Mất quyền kiểm soát công ty con	-	(1.248.000)	(1.248.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>273.552.454</u>	<u>16.625.965</u>	<u>290.178.419</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Đã hao mòn hết</i>	-	15.228.889	15.228.889
Giá trị hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(13.218.967)	(16.524.099)	(29.743.066)
Hao mòn trong kỳ	<u>(4.139.371)</u>	<u>(5.409)</u>	<u>(4.144.780)</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>(17.358.338)</u>	<u>(16.529.508)</u>	<u>(33.887.846)</u>
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	<u>260.333.487</u>	<u>1.349.866</u>	<u>261.683.353</u>
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>256.194.116</u>	<u>96.457</u>	<u>256.290.573</u>
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23 và 34)</i>	123.449.872	-	123.449.872

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

13. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

			Ngàn VND
	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Tổng cộng
Nguyên giá			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	27.072.022	47.003.809	74.075.831
Thanh lý	(27.072.022)	-	(27.072.022)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	47.003.809	47.003.809
Giá trị khấu hao và hao mòn lũy kế			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	(5.175.759)	(8.924.630)	(14.100.389)
Thanh lý	5.360.608	-	5.360.608
Khấu hao và hao mòn trong kỳ	(184.849)	(945.729)	(1.130.578)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	(9.870.359)	(9.870.359)
Giá trị còn lại			
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	21.896.263	38.079.179	59.975.442
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	-	37.133.450	37.133.450
<i>Trong đó:</i>			
<i>Thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay (TM số 23)</i>	-	37.133.450	37.133.450

Thuyết minh bổ sung:

Các khoản doanh thu cho thuê và chi phí hoạt động liên quan đến bất động sản đầu tư được trình bày như sau:

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư	1.543.808	434.164
Chi phí hoạt động kinh doanh trực tiếp của các bất động sản đầu tư tạo thu nhập cho thuê trong kỳ	945.729	1.315.426

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 30 tháng 6 năm 2023. Tuy nhiên, dựa trên giá trị thị trường của các tài sản, Ban Tổng Giám đốc Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Chi phí phát triển vườn cây ăn quả (*)	4.279.178.468	3.469.201.648
Dự án chăn nuôi	1.144.936.427	1.079.666.555
Nhà xưởng và nhà máy nông trường (*)	22.376.716	12.454.883
Khác	48.189.880	58.978.162
TỔNG CỘNG	5.494.681.491	4.620.301.248

(*) Các khoản này đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong kỳ, Tập đoàn đã vốn hóa các chi phí lãi vay với tổng giá trị là 16.789.579 ngàn VND vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022: 7.319.138 ngàn VND). Các khoản chi phí lãi vay này phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ vốn cho việc xây dựng và phát triển các vườn cây ăn quả và các dự án khác.

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Đầu tư vào các công ty liên kết (TM số 16.1)	16.888.792	-
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác (TM số 16.2)	1.049.961.081	1.049.961.081
TỔNG CỘNG	1.066.849.873	1.049.961.081
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(617.693.135)	(608.271.485)
GIÁ TRỊ THUẦN	449.156.738	441.689.596

16.1 Đầu tư vào các công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết (%)	Giá trị đầu tư Ngàn VND
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai ("BAPI") (*)	Bán buôn thực phẩm	44,50	16.888.792	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông (**)	Tư vấn và thiết kế	25,00	-	25,00	-
TỔNG CỘNG			16.888.792		-

Theo tỷ lệ sở hữu của công ty con trong Tập đoàn trực tiếp đầu tư vào các công ty này.

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Số 1301/NQ-BAPI.23 ngày 13 tháng 1 năm 2023, các cổ đông của Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai đã phê duyệt việc phát hành riêng lẻ thêm 5.000.000 cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu và các nhà đầu tư chiến lược mới nhằm mục đích tăng vốn cổ phần để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty, các cổ đông và các nhà đầu tư mới đã hoàn tất một phần việc tăng vốn trên. Theo đó, tỷ lệ sở hữu của Tập đoàn trong BAPI giảm từ 55% xuống 44,50%, và BAPI trở thành công ty liên kết của Tập đoàn kể từ ngày này.

(**) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2023, Tập đoàn có khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư và Tư vấn Xây dựng Á Đông với giá gốc đầu tư là 5.000.000 ngàn VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

16. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

16.2 Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Tên công ty	Lĩnh vực kinh doanh	Ngày 30 tháng 6 năm 2023		Ngày 31 tháng 12 năm 2022	
		Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND	Tỷ lệ sở hữu và biểu quyết %	Giá gốc đầu tư Ngàn VND
Công ty cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai (HNG) (*)	Trồng cây công nghiệp và nông nghiệp	9,44	1.041.431.040	9,44	1.041.431.040
Công ty Cổ phần Truyền thông Thanh Niên	Truyền thông	2,00	6.200.000	2,00	6.200.000
Công ty Cổ phần Bóng đá chuyên nghiệp Việt nam	Bóng đá	-	1.170.000	-	1.170.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Hàng không Viễn Đông	Thương mại và vận tải	-	1.160.041	-	1.160.041
TỔNG CỘNG			1.049.961.081		1.049.961.081
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn			(617.693.135)		(608.271.485)
GIÁ TRỊ THUẦN			432.267.946		441.689.596

(*) Một phần cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Tập đoàn đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (TM số 23).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

17. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<i>Ngàn VND</i>		
Ngắn hạn		
Chi phí phát triển vườn cây ăn trái	3.958.840	4.582.698
Công cụ, dụng cụ	3.614.688	7.841.439
Chi phí khác	3.736.700	4.850.840
	<u>11.310.228</u>	<u>17.274.977</u>
Dài hạn		
Dự án chăn nuôi	143.478.236	193.635.580
Chi phí khai hoang	126.550.946	112.645.680
Công cụ, dụng cụ	21.718.766	28.107.249
Tiền thuê đất	21.463.785	31.559.049
Chi phí khác	16.583.490	4.161.410
	<u>329.795.223</u>	<u>370.108.968</u>
TỔNG CỘNG	<u>341.105.451</u>	<u>387.383.945</u>

18. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<i>Ngàn VND</i>		
Phải trả người bán hàng hóa và dịch vụ	905.992.711	525.462.721
<i>Trong đó:</i>		
- Công ty Cổ phần Thương mại Đầu tư Phát triển Do Holdings	477.747.457	217.889.882
- Công ty Cổ phần IAPACCO	103.201.267	61.179.910
- Các nhà cung cấp khác	325.043.987	246.392.929
Phải trả nhà thầu xây dựng	16.973.356	5.791.244
Phải trả người bán máy móc và thiết bị	1.861.729	3.436.935
Phải trả người bán khác	12.901.403	428.992
	<u>937.729.199</u>	<u>535.119.892</u>
TỔNG CỘNG	<u>937.729.199</u>	<u>535.119.892</u>
<i>Trong đó:</i>		
Phải trả các bên thứ ba	875.885.057	488.034.594
Phải trả các bên liên quan (TM số 33)	61.844.142	47.085.298

19. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
<i>Ngàn VND</i>		
Người mua trả tiền trước từ các bên thứ ba	406.393.109	405.022.324
- Công ty TNHH Vinacapital Phước Điền	162.680.988	162.680.988
- Công ty Cổ phần Giấy Đức Phú	122.050.205	92.686.888
- Các khách hàng khác	121.661.916	149.654.448
Người mua trả tiền trước từ các bên liên quan (TM số 33)	8.299.348	224.581.668
TỔNG CỘNG	<u>414.692.457</u>	<u>629.603.992</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

20. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Ngàn VND			
	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Số tăng trong kỳ	Số giảm trong kỳ	Ngày 30 tháng 6 năm 2023
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	32.372.352	19.598.916	(36.483.174)	15.488.094
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	7.539	-	-	7.539
Thuế khác	3.134.366	-	(6.787)	3.127.579
TỔNG CỘNG	35.514.257	19.598.916	(36.489.961)	18.623.212
Phải trả				
Thuế thu nhập doanh nghiệp (TM số 32.1)	948.467	6.384.733	(1.912.002)	5.421.198
Thuế thu nhập cá nhân	4.521.551	6.607.271	(8.339.695)	2.789.127
Thuế giá trị gia tăng	3.051.665	23.448.109	(23.938.589)	2.561.185
Thuế khác	268.138	4.296.828	(3.101.620)	1.463.346
TỔNG CỘNG	8.789.821	40.736.941	(37.291.906)	12.234.856

21. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Chi phí lãi vay	4.087.911.503	3.821.476.663
Chi phí hoạt động	7.782.425	10.244.760
Chi phí khác	20.460.954	26.176.665
	<u>4.116.154.882</u>	<u>3.857.898.088</u>
Dài hạn		
Chi phí lãi vay	683.440.380	490.236.779
TỔNG CỘNG	4.799.595.262	4.348.134.867

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

22. PHẢI TRẢ KHÁC

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	101.275.645	67.033.009
Khác	50.478.421	39.017.206
	<u>151.754.066</u>	<u>106.050.215</u>
Dài hạn		
Phải trả tiền mượn từ các công ty và cá nhân (i)	812.453.702	308.838.184
TỔNG CỘNG	<u>964.207.768</u>	<u>414.888.399</u>
<i>Trong đó:</i>		
<i>Phải trả các bên thứ ba</i>	962.706.876	403.687.075
<i>Phải trả ngắn hạn các bên liên quan (TM số 33)</i>	1.500.892	11.201.324
(i) Khoản này thể hiện các khoản vay không lãi suất và không yêu cầu tài sản đảm bảo từ các cá nhân, các công ty khác và các bên liên quan của Tập đoàn nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn.		

23. VAY

	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngắn hạn		
Vay dài hạn trái phiếu đến hạn trả (TM số 23.2)	1.960.030.298	2.058.184.544
Vay ngắn hạn ngân hàng (TM số 23.1)	1.225.737.416	1.002.710.388
Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả (TM số 23.3)	911.021.313	901.090.257
Vay ngắn hạn từ công ty (TM số 23.4)	18.000.000	38.500.000
	<u>4.114.789.027</u>	<u>4.000.485.189</u>
Dài hạn		
Vay dài hạn trái phiếu (TM số 23.2)	3.584.212.854	3.681.058.998
Vay dài hạn ngân hàng (TM số 23.3)	264.752.379	293.409.297
Vay dài hạn từ công ty và cá nhân (TM số 23.5)	121.144.409	190.665.939
	<u>3.970.109.642</u>	<u>4.165.134.234</u>
TỔNG CỘNG	<u>8.084.898.669</u>	<u>8.165.619.423</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

Tình hình tăng/(giảm) các khoản vay như sau:

	<i>Ngàn VND</i>		
	<i>Vay ngắn hạn</i>	<i>Vay dài hạn</i>	<i>Tổng cộng</i>
Ngày 31 tháng 12 năm 2022	4.000.485.189	4.165.134.234	8.165.619.423
Tiền thu từ đi vay	1.278.376.164	28.760.434	1.307.136.598
Tiền chi trả nợ gốc vay	(1.169.054.315)	(148.278.567)	(1.317.332.882)
Phân bổ chi phí phát hành trái phiếu	1.845.755	3.153.856	4.999.611
Vay dài hạn đến hạn trả	50.318.086	(50.318.086)	-
Cần trừ công nợ	(3.000.000)	(11.060.819)	(14.060.819)
Chênh lệch tỷ giá	(31.681.852)	(17.281.410)	(48.963.262)
Giảm do mất quyền kiểm soát công ty con	(12.500.000)	-	(12.500.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	<u>4.114.789.027</u>	<u>3.970.109.642</u>	<u>8.084.898.669</u>

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau:

<i>Tên ngân hàng</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank"), Chi nhánh Gia Lai	690.999.494	690.999.004
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak	511.800.000	282.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BIDV"), Chi nhánh Gia Lai	21.310.835	24.740.782
	1.627.087	4.970.602
TỔNG CỘNG	<u>1.225.737.416</u>	<u>1.002.710.388</u>

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.1 Vay ngắn hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết của các khoản vay ngắn hạn ngân hàng như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 11, 12 và 14)
---------------	-----------------------	--	---------------------	--

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong

Khoản vay từ ngày
13 tháng 10 năm
2022 đến ngày 13
tháng 10 năm 2023

511.800.000

Từ ngày 25 tháng 9 năm
2023 đến ngày 29 tháng 2
năm 2024

12,00 - 12,20

Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có các Giấy Chứng nhận số BY
440736, BY 440744, BY 440735 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chấn nuôi
Gia Lai;

Hàng hóa luân chuyển trong quá trình sản xuất kinh doanh tại các chuồng trại và
kho hàng tại Tỉnh Gia Lai;
Quyền đòi nợ phát sinh từ hợp đồng bán hàng, phụ lục hợp đồng bán hàng được
ký giữa bên đảm bảo và đối tác đã hình thành và hình thành trong tương lai trong
quá trình sản xuất kinh doanh (HBTCT 10/2022/HĐBH/TTDT MB);

Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích 150 ha theo Giấy phép SDD
số: 104/TNMT tại Bản Hatsan, Huyện Saysetta, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu Công
tycy TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Hoàn Thịnh Attapeu;

Toàn bộ tài sản gắn liền trên đất với tổng diện tích 149 ha theo Giấy phép SDD
số: 889/TNMT tại Bản Hatsan, Huyện Saysetta, Tỉnh Attapeu thuộc sở hữu của

Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Khăn Xay;
5.500.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyễn Đức;
9.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của bà Đoàn Hoàng Anh.

Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak

Khoản vay từ ngày
13 tháng 12 năm
2022 đến 20 tháng
12 năm 2022 (*)

21.310.835

Ngày 13 tháng 12
năm 2023 đến ngày 23
tháng 12 năm 2023

LAK: 10,00

USD: 8,00

QSĐĐ diện tích: 6,83 ha, Thửa số 01, Tờ bản đồ số: A 738-638
địa chỉ tại: Bản Hát san, Huyện Saysetha, Tỉnh Attapeu, Lào,
đất xây dựng xây trụ sở văn phòng và kho hàng hóa.

BIDV, Chi nhánh Gia Lai

Khoản vay từ ngày
14 tháng 4 năm 2023
đến ngày 17 tháng 4
năm 2023

1.627.087

Từ ngày 14 tháng 7 năm
2023 đến ngày 17 tháng 7
năm 2023

10,20

3 xe ô tô của BV HAGL biển số 81A-015.78, 81B-004.56, 81B-002.48;
Công trình Bệnh viện Đại học Y được HAGL.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.2 Trái phiếu thường

Chi tiết trái phiếu thường như sau:

<i>Tổ chức thu xếp phát hành</i>	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
BIDV và Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam ("BSC")	5.271.000.000	5.271.000.000
Công ty TNHH Chứng khoán ACB ("ACBS")	300.000.000	300.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	-	200.000.000
Chi phí phát hành trái phiếu	(26.756.848)	(31.756.458)
TỔNG CỘNG	5.544.243.152	5.739.243.542
<i>Trong đó:</i>		
<i>Trái phiếu dài hạn</i>	<i>3.584.212.854</i>	<i>3.681.058.998</i>
<i>Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	<i>1.960.030.298</i>	<i>2.058.184.544</i>

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23.	VAY (tiếp theo)						
23.2	Trái phiếu thường (tiếp theo)	Tổ chức thu xếp phát hành	Trái chủ	Số tiền (Ngân VND)	Lãi suất (%/năm)	Ngày đáo hạn cuối cùng	Mục đích
	BIDV và BSC		BIDV (*)	5.271.000.000	Trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân kỳ hạn mười hai (12) tháng bằng VND được công bố tại Chi nhánh của bốn (4) Ngân hàng thương mại tại Tỉnh Gia Lai, bao gồm: Agribank, BIDV, Vietcombank và Vietinbank cộng với biên độ 3,00 (2023: 9,30 - 10,40)	Ngày 30 tháng 12 năm 2026	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn
					Diện tích 4.852,74 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất tại Tỉnh Attapeu và Tỉnh Sé Kông (Lào) do Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh làm chủ sở hữu;		
					Diện tích 9.996,9 ha cao su và Quyền thuê phát sinh theo Hợp đồng thuê đất, toàn bộ tài sản là động sản, bất động sản gắn liền với đất do Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu làm chủ sở hữu;		
					Quyền sử dụng và khai thác rừng trồng 4.733 ha cao su và 3.155 ha cọ dầu tại Tỉnh Attapeu (Lào) của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu;		
					Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 1.960,91 ha cao su tại Tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV Heng Brothers;		
					Quyền sở hữu, khai thác rừng trồng 3.281,70 ha cao su tại Tỉnh Ratanakiri (Campuchia) của Công ty TNHH MTV CRD;		
					Công trình Bệnh viện Đại học Y dược HAGL thuộc sở hữu của Bệnh viện HAGL; Trụ sở văn phòng làm việc Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Tập đoàn; Khách sạn Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Tập đoàn;		
					Khu liên hợp Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Tập đoàn;		
					16,5 ha chuỗi trên đất thuộc Học viện bóng đá Hoàng Anh Gia Lai thuộc sở hữu của Tập đoàn;		
					2 tầng khu thương mại thuộc Tổ hợp khu chung cư - Thương mại cao cấp Bầu Thạc Giản, Đa Năng thuộc sở hữu của Tập đoàn;		
					13.310.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Tập đoàn;		
					7 xe ô tô thuộc sở hữu của Tập đoàn;		
					Trụ sở làm việc và nhà xưởng sản xuất, chế biến gỗ và hàng mộc dân dụng (tại Phường Chi Lăng, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai;		
					Nhà máy gỗ nội thất (tại Chư Prông, Gia Lai) thuộc Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai;		
					Máy móc thiết bị thuộc Bệnh viện Đại học Y dược HAGL; 335 ha chuỗi tại Attapeu, Lào thuộc sở hữu của Khán Xay;		
					2.789,72 ha tại Stung Cheng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì;		
					Máy móc thiết bị thuộc Công ty TNHH Hưng Thắng Lợi Gia Lai;		
					141.5988 ha tại Stung Treng, Campuchia thuộc Công ty TNHH Sản xuất Bột Mì;		
					QSDD số BY 440726 với 6.993,2 m ² tại Đường Phù Đổng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai;		
					119 căn hộ thuộc Cao ốc văn phòng và nhà ở cao cấp Hoàng Anh Gia Lai tại Hoàng Văn Thụ, Phường Điện Hồng, Thành phố Pleiku, Tỉnh Gia Lai;		
					Công trình nhà máy đá Granit Hoàng Anh Gia Lai theo GCN số BS 463258.		

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, diện tích trồng cao su và cọ dầu thực tế đang thấp hơn phần diện tích để cấp trong phần Mục đích giải ngân của Hợp đồng Tín dụng. Diện tích cam kết lần lượt là 4.852,74 ha cao su và 7.102 ha cọ dầu. Tập đoàn cũng chưa tiến hành thanh toán lãi vay phải trả đã đến hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 với tổng giá trị là 2.656.004.057 ngàn VND. Tập đoàn đã có kế hoạch thanh toán khoản lãi vay đã đến hạn nói trên.

11/11/2023

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23.	VAY (tiếp theo)						
23.2	Trái phiếu thường (tiếp theo)						
	Tổ chức	Trái chủ	Số tiền	Lãi suất	Ngày	Mục đích	Tài sản thế chấp
	thu xếp	phát hành	(Ngàn VND)	(%/năm)	đáo hạn		(TM số 9, 11, 12 và 14)
					cùng		
	Công ty TNHH cổ phần Chứng khoán ACB ("ACBS")	Công ty cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	300.000.000	Lãi suất tiền gửi kỳ hạn mười ba (13) tháng của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong cộng với biên độ 4,50 (2023: 10,00)	Ngày 30 tháng 9 năm 2023	Bổ sung vốn cho các dự án đầu tư và tái cấu trúc nợ vay của Tập đoàn	47.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của Ông Đoàn Nguyên Đức.
	Chi phí phát hành trái phiếu		(26.756.848)				
	TỔNG CỘNG		5.544.243.152				
	<i>Trong đó:</i>						
	Trái phiếu dài hạn		3.584.212.854				
	Trái phiếu dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm		1.960.030.298				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng

Chi tiết các khoản vay dài hạn ngân hàng như sau:

Tên ngân hàng	Ngàn VND	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất nhập khẩu Việt Nam - Chi nhánh Hùng Vương ("Eximbank")	586.790.248	587.790.248
Ngân hàng Liên doanh Lào Việt ("Ngân hàng Lào - Việt") - Chi nhánh Attapeu	273.304.173	297.362.966
Ngân Hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong ("TPBank")	225.998.513	198.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín ("Sacombank")	89.680.758	111.346.340
TỔNG CỘNG	1.175.773.692	1.194.499.554
<i>Trong đó:</i>		
<i>Vay dài hạn ngân hàng đến hạn trả trong vòng 1 năm</i>	911.021.313	901.090.257
<i>Vay dài hạn</i>	264.752.379	293.409.297

Các khoản vay này được sử dụng chủ yếu để đáp ứng nhu cầu vốn tài trợ cho các dự án vườn cây ăn quả của Tập đoàn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau:

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngân VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Eximbank				
Khoản vay ngày 15 tháng 8 năm 2014 (*)	413.840.467	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	12,40	Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất trên tổng diện tích 957 ha (7 bia đồ) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Gia Lai;
Khoản vay ngày 23 tháng 9 năm 2014 (*)	172.949.781	Ngày 31 tháng 12 năm 2024	12,40	Phương tiện vận tải, máy móc thiết bị và tài sản khác hình thành từ vốn vay.

TỔNG CỘNG

586.790.248

Trong đó:

Vay dài hạn
đến hạn trả trong
vòng 1 năm
Vay dài hạn

428.490.248
158.300.000

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với tổng giá trị là 279 tỷ VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Ngân hàng Lào - Việt, Chi nhánh Attapeu	273.304.173	Từ ngày 5 tháng 5 năm 2023 đến ngày 15 tháng 9 năm 2023	8,50	2 lô đất tại Bản Honglay, Huyện Lamam, Tỉnh Sekong, Lào thuộc sở hữu của Ông Channoussi; Trụ sở làm việc của Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng tại Bản NongYoi, Huyện Paksong, Tỉnh Champasak, Lào; Quyền sở hữu khai thác diện tích 939 ha vườn cây ăn quả thuộc sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng.

Trong đó:

Vay dài hạn
đến hạn trả trong
vòng 1 năm 273.304.173

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với tổng giá trị là 115.504.172 ngàn VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
TPBank - Chi nhánh Hà Nội				
Khoản vay	129.998.513	Ngày 14 tháng 12 năm 2023	11,00	Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Bản Hatan, Huyện Saysettha, Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 128 ha của Khăn Xay; Quyền khai thác đất và tài sản gắn liền trên đất tại Tỉnh Attapeu, Lào trong tổng diện tích 146,35 ha của Khăn Xay; Bảo lãnh vô điều kiện không hủy ngang đảm bảo cho các nghĩa vụ nợ của Công ty tại TPBank của Chủ tịch; Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất trong tổng diện tích 164,2 ha (địa đồ BY440741) đất thuộc sở hữu Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai;
Khoản vay	96.000.000	Ngày 21 tháng 10 năm 2024		Quyền tài sản của hợp đồng hợp tác kinh doanh với Lê Mẹ; 50.000.000 cổ phiếu HAG thuộc sở hữu của ông Đoàn Nguyên Đức. Tài sản gắn liền với đất nằm trên thửa đất có các Giấy Chứng nhận số BY 440736, BY 440744, BY 440735 thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai;
TỔNG CỘNG	225.998.513			Phần vốn góp cùng các quyền và lợi ích phát sinh từ phần vốn góp tại Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng với giá trị góp vốn: 12.000.000 USD.
Trong đó:				
Vay dài hạn	48.000.000			
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	177.998.513			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.3 Vay dài hạn ngân hàng (tiếp theo)

Chi tiết lãi suất và tài sản đảm bảo của các khoản vay như sau: (tiếp theo)

Tên ngân hàng	Số tiền (Ngân VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp (TM số 10, 11, 12 và 14)
Sacombank Lào, Chi nhánh Champasak (*)	83.498.883	Từ ngày 25 tháng 6 năm 2023 đến ngày 7 tháng 6 năm 2026	LAK: 10,50 USD: 9,05	Quyền sử dụng đất số 01 A-660-668 (bia đồ đất 118,2 ha và bia đồ đất 3,5 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 02 A-658-670 (bia đồ đất 6,7 ha và bia đồ đất 50,3 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 03 A-658-670 (bia đồ đất 60,0 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 04 A-658-670 (bia đồ đất 3,9 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào; Quyền sử dụng đất số 05 A-658-670 (bia đồ đất 2,4 ha) tại Huyện Paksong, Tỉnh Champaksak, Lào;
Sacombank, Chi nhánh Gia Lai	6.181.875	Ngày 29 tháng 3 năm 2025	12,50	Tất cả các quyền sử dụng đất nêu trên đều thuộc quyền sở hữu của Công ty TNHH MTV Phát triển Nông nghiệp Đại Thắng. Phương tiện vận tải, máy móc hình thành từ vốn vay.
TỔNG CỘNG	89.680.758			
<i>Trong đó:</i> Vay dài hạn	58.452.379			
Vay dài hạn đến hạn trả trong vòng 1 năm	31.228.379			

(*) Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Tập đoàn chưa thanh toán khoản vay đến hạn với tổng giá trị là 9.514.689 ngàn VND theo lịch thanh toán đã cam kết với ngân hàng.

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sau tháng kết thúc cùng ngày

23. VAY (tiếp theo)

23.4 Vay ngắn hạn từ công ty

Đây là các khoản vay ngắn hạn từ các công ty nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công ty TNHH TMDV M.I.S.C Bình Dương	<u>18.000.000</u>	Ngày 1 tháng 6 năm 2024	5,00	Tín chấp

23.5 Vay dài hạn từ công ty và cá nhân

Đây là các khoản vay dài hạn từ các công ty và cá nhân nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động của Tập đoàn với chi tiết như sau:

Tên đối tượng	Số tiền (Ngàn VND)	Thời hạn thanh toán và ngày đáo hạn	Lãi suất (%/năm)	Tài sản thế chấp
Công Ty TNHH Thương Mại Dịch Vụ M.I.S.C Bình Dương	73.690.783	Từ ngày 12 tháng 7 năm 2024 đến ngày 29 tháng 8 năm 2024	5,00	Tín chấp
Công ty TNHH PTNN Kham Kuuong	23.884.337	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	10,00	Tín chấp
Ông Lê Hiền Trung	22.808.854	Ngày 31 tháng 12 năm 2025	8,50	Tín chấp
Công ty Cổ phần Giấy Đức Phú	760.435	Ngày 29 tháng 8 năm 2024	8,50	Tín chấp
TỔNG CỘNG	<u>121.144.409</u>			

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

24.1 *Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu*

	Vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Lỗi lũy kế	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022						
Ngày 1 tháng 1 năm 2022	9.274.679.470	(686.640)	(602.619.336)	282.410.699	(4.467.100.553)	4.486.683.640
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	529.748.535	529.748.535
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(579.211.187)	-	-	(579.211.187)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	(1.116.000)	(1.116.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2022	9.274.679.470	(686.640)	(1.181.830.523)	282.410.699	(3.938.468.018)	4.436.104.988
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023						
Ngày 1 tháng 1 năm 2023	9.274.679.470	(686.640)	(1.221.066.442)	282.410.699	(3.341.007.157)	4.994.329.930
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	382.289.792	382.289.792
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(362.308.346)	-	-	(362.308.346)
Chi thù lao HĐQT, BKS và Thư ký	-	-	-	-	(768.000)	(768.000)
Ngày 30 tháng 6 năm 2023	9.274.679.470	(686.640)	(1.583.374.788)	282.410.699	(2.959.485.365)	5.013.543.376

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

24.2 Cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	927.467.947	927.467.947
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và góp vốn đầy đủ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.467.947 927.467.947	927.467.947 927.467.947
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	927.399.283 927.399.283	927.399.283 927.399.283
Số lượng cổ phiếu quỹ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	68.664 68.664	68.664 68.664

25. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Số đầu kỳ	200.413.411	186.549.700
Mua công ty con	28.793.308	(4.659.733)
Lợi nhuận/(lỗ) trong kỳ phân bổ cho cổ đông không kiểm soát	2.900.523	(6.906.804)
Mất quyền kiểm soát công ty con	(22.963.258)	-
Nhận góp vốn từ cổ đông không kiểm soát	-	20.094.000
Số cuối kỳ	<u>209.143.984</u>	<u>195.077.163</u>

26. LÃI TRÊN CỔ PHIẾU

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lợi nhuận thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty mẹ (Ngàn VND)	382.289.792	529.748.535
Số cổ phiếu bình quân lưu hành trong kỳ	927.399.283	927.399.283
Lãi trên cổ phiếu (VND)		
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	412	571
- Lãi suy giảm trên cổ phiếu	412	571

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày hoàn thành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

27. DOANH THU

27.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Doanh thu gộp	3.155.283.172	2.036.204.596
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.283.645.547	1.040.994.168
Doanh thu bán heo	1.006.972.642	453.001.521
Doanh thu bán hàng hóa	676.173.266	404.880.398
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ	167.957.431	136.792.548
Doanh thu khác	20.534.286	535.961
Khoản giảm trừ	(10.422.089)	(6.161.292)
Giảm giá hàng bán	(10.422.089)	(6.161.292)
Doanh thu thuần	3.144.861.083	2.030.043.304
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu bán trái cây	1.274.103.226	1.035.724.184
Doanh thu bán heo	1.006.972.642	453.001.521
Doanh thu bán hàng hóa	676.173.266	404.880.398
Doanh thu cung cấp dịch vụ	167.077.663	135.901.240
Doanh thu khác	20.534.286	535.961
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu thuần với các bên thứ ba	2.429.505.017	1.348.968.514
Doanh thu thuần với các bên liên quan (TM số 33)	715.356.066	681.074.790

27.2 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngàn VND Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Lãi tiền cho vay	239.778.674	225.539.192
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	15.762.277	1.543.758
Lãi tiền gửi ngân hàng	270.134	624.710
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư	-	60.049.183
Khác	-	39.422
TỔNG CỘNG	255.811.085	287.796.265
<i>Trong đó:</i>		
Doanh thu với các bên liên quan (TM số 33)	231.103.997	216.685.646
Doanh thu với các bên thứ ba	24.707.088	71.110.619

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Giá vốn bán trái cây	786.274.805	725.964.043
Giá vốn heo	913.442.056	330.905.748
Giá vốn hàng hóa	664.650.882	368.870.231
Giá vốn dịch vụ	132.982.038	138.367.447
Giá vốn khác	18.972.082	473.275
TỔNG CỘNG	<u>2.516.321.863</u>	<u>1.564.580.744</u>

29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí lãi vay	482.102.116	386.306.194
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái	61.903.878	152.909.769
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	9.421.650	518.006.045
Khác	379.760	4.567.296
TỔNG CỘNG	<u>553.807.404</u>	<u>1.061.789.304</u>

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí bán hàng		
Chi phí vật tư phục vụ bán hàng	40.027.712	33.260.388
Chi phí dịch vụ mua ngoài	38.978.916	90.869.025
Chi phí lương nhân viên	4.441.683	2.358.667
Chi phí khấu hao và hao mòn	2.714.530	2.970.340
Chi phí khác	18.929.819	13.207.959
	<u>105.092.660</u>	<u>142.666.379</u>
Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí lương nhân viên	44.159.946	43.557.221
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.491.047	21.985.739
Chi phí khấu hao	3.551.133	3.722.859
Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) các khoản phải thu khó đòi	1.553.444	(1.030.387.133)
Chi phí khác	24.080.999	5.378.546
	<u>82.836.569</u>	<u>(955.742.768)</u>
TỔNG CỘNG	<u>187.929.229</u>	<u>(813.076.389)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

31. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Thu nhập khác		
Lãi từ giao dịch mua giá rẻ (TM số 4.1)	270.272.853	-
Lãi thanh lý tài sản	-	985.825
Thu nhập khác	6.160.389	29.510.590
	<u>276.433.242</u>	<u>30.496.415</u>
Chi phí khác		
Khấu hao tài sản ngưng sử dụng	8.059.872	7.371.188
Lỗ thanh lý tài sản	2.709.802	-
Các khoản phạt	1.120.923	11.919.646
Các khoản khác	24.668.536	51.997.587
	<u>36.559.133</u>	<u>71.288.421</u>
THU NHẬP (LỖ) KHÁC	<u>239.874.109</u>	<u>(40.792.006)</u>

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty và các công ty con tại Việt Nam có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận chịu thuế (2022: 20%).

Các công ty con của Công ty tại nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào có nghĩa vụ nộp thuế TNDN với thuế suất là 20% trên thu nhập chịu thuế cho các hoạt động kinh doanh chính và 2% trên thu nhập chịu thuế cho hoạt động chuyển nhượng dự án. Các công ty con này cũng được hưởng ưu đãi, miễn, giảm thuế TNDN theo các GCNĐKKD, Giấy phép Đầu tư tương ứng và các luật thuế hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty và các công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

	Ngàn VND	
	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022</i>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	6.384.733	1.562.650
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(20.156.569)	(60.650.477)
TỔNG CỘNG	<u>(13.771.836)</u>	<u>(59.087.827)</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành (phải thu)/phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của năm hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Tập đoàn được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

	Ngàn VND	
	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	371.418.479	463.753.904
<i>Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lỗ kế toán:</i>		
Các khoản lỗ từ các công ty con	47.386.793	254.289.710
Lỗ từ công ty liên kết	11.069.302	-
Mức trần chi phí lãi vay (*)	6.920.632	58.553.498
Thay đổi (lãi) lỗ chưa thực hiện trên hợp nhất	(3.422.829)	24.250.120
Lợi nhuận từ hoạt động miễn thuế	(243.145.590)	(153.633.637)
Lãi từ giao dịch mua rẻ	(270.272.853)	-
Cần trừ lỗ năm trước	(188.975.830)	(239.421.491)
Các khoản khác	311.723.160	(390.518.390)
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	42.701.264	17.273.714
Thuế TNDN ước tính trong kỳ hiện hành	8.540.253	3.454.742
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	(2.155.520)	(1.892.092)
Chi phí thuế TNDN hiện hành ước tính	6.384.733	1.562.650
Thuế TNDN phải trả đầu kỳ	940.928	623.979
Thuế TNDN phải trả của công ty con	-	-
mất quyền kiểm soát trong kỳ	(326.672)	-
Điều chỉnh khác	(68.036)	-
Thuế TNDN đã trả trong kỳ	(1.517.294)	(706.532)
Thuế TNDN phải trả cuối kỳ	5.413.659	1.480.097
<i>Trong đó:</i>		
Thuế TNDN phải trả (TM số 20)	5.421.198	1.487.636
Thuế TNDN trả trước (TM số 20)	(7.539)	(7.539)

(*) Theo Nghị định 132/2020/NĐ-CP ngày 5 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ quy định về quản lý thuế đối với doanh nghiệp có giao dịch liên kết, đây là các khoản chi phí lãi vay vượt ngưỡng quy định không được trừ thuế TNDN ước tính bởi Công ty chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

32. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

32.2 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế TNDN hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ như sau:

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
<i>Ngàn VND</i>				
Tài sản thuế TNDN hoãn lại				
Lợi nhuận nội bộ chưa thực hiện	19.225.277	16.468.661	2.756.616	3.504.905
	19.225.277	16.468.661	2.756.616	3.504.905
Thuế TNDN hoãn lại phải trả				
Chênh lệch giá trị hợp lý của tài sản mua trong hợp nhất kinh doanh	398.606.741	416.006.694	(17.399.953)	(57.145.572)
	398.606.741	416.006.694	(17.399.953)	(57.145.572)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại			(20.156.569)	(60.650.477)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan tại ngày 30 tháng 6 năm 2023 như sau:

<i>Bên liên quan</i>	<i>Mối quan hệ</i>
Công ty Cổ phần Nông Nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 19 tháng 6 năm 2023)
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động Sản An Phú	Công ty liên quan
Công ty TNHH Tư vấn Đầu tư Xây dựng Thanh Bình	Công ty liên quan
Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ Minh Tuấn	Công ty liên quan
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con
Đoàn Nguyễn Đức	Chủ tịch HĐQT
Võ Trường Sơn	Thành viên HĐQT, kiêm Tổng giám đốc
Võ Thị Huyền Lan	Thành viên HĐQT (đến ngày 28 tháng 4 năm 2023)
Võ Thị Mỹ Hạnh	Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc
Nguyễn Chí Thắng	Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty con (từ ngày 28 tháng 4 năm 2023)
Trần Văn Dai	Thành viên HĐQT
Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng giám đốc
Đỗ Trần Thùy Trang	Trưởng BKS
Lê Hồng Phong	Thành viên BKS
Phạm Ngọc Châu	Thành viên BKS
Lê Trương Y Trâm	Kế toán trưởng
Đoàn Thị Mai Phương	Thư ký Công ty kiêm Người phụ trách quản trị Công ty
Hồ Thị Mỹ Loan	Thư ký Công ty

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 19 tháng 6 năm 2023)	Góp vốn	3.450.326.000	-
		Lãi cho vay	163.254.176	132.939.781
		Cho vay	7.082.350	712.232.000
		Nhận chuyển nhượng cổ phần	-	2.145.600.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	492.645.513	508.751.677
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	289.200.000	-
		Lãi cho vay	6.609.720	11.505.567
		Cho vay	-	15.000.000
		Mượn tiền	-	14.136.164
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	178.683.718	66.039.317
		Lãi cho vay	52.826.132	33.971.362
		Cho vay	33.103.058	427.365.650
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	144.600.000	11.920.000
		Lãi cho vay	7.009.860	6.251.112
		Cho vay	-	15.000.000
Ông Trần Quang Dũng	Phó Giám đốc công ty con	Nhận chuyển nhượng khoản đầu tư	48.200.000	-
		Lãi cho vay	1.101.620	1.701.400
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	42.858.092	-
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	14.859.090	17.870.492

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ hiện hành và kỳ trước bao gồm: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa	12.195.863	15.342.506
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	970.345	-
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	18.526.373
		Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	-	7.292.555
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	6.812.291
		Cho vay	-	2.000.000
		Lãi vay	-	718.524
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	Lãi cho vay	-	1.874.921
		Chi hộ	-	66.571
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất Động sản An Phú	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	303.542

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (TM số 6)				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	752.852.122	477.906.173
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Thanh lý khoản đầu tư	134.474.545 128.925.090	- -
Công ty Cổ phần BAPI Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ Bán tài sản cố định	43.346.969 23.654	- -
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ	2.039.045	2.265.606
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	812.652	812.652
			1.062.474.077	480.984.431
Trả trước cho người bán ngắn hạn (TM số 7)				
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	454.830.261	482.478.677
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	210.779.970	130.642.069
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Ứng trước mua hàng hóa và dịch vụ	-	7.368.500
			665.610.231	620.489.246

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu về cho vay ngắn hạn (TM số 8)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	10,40	1.259.993.778	604.350.086
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	10,40	501.187.910	501.373.770
Công ty Cổ phần Bapi Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên kết	10,40	11.270.000	-
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty có cùng thành viên quản lý chủ chốt	10,40	5.865.308	5.865.308
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	10,40	14.200	-
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 19 tháng 6 năm 2023)	-	-	2.753.404.202
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	-	-	56.156
			1.778.331.196	3.865.049.522

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Lãi suất %/năm	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu về cho vay dài hạn (TM số 8)				
Công ty Cổ phần Nông nghiệp Quốc tế Hoàng Anh Gia Lai	Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	883.510.127	883.510.127
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	109.421.445	109.304.691
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	-	16.271.994	16.254.632
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	-	-	260.400.000
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	-	-	133.800.000
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 19 tháng 6 năm 2023)	-	-	149.144.000
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con	-	-	141.900.000
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	-	-	22.300.000
			1.009.203.566	1.716.613.450

Các khoản cho các bên liên quan vay ngắn hạn và dài hạn đã được phê duyệt tại kỳ họp Đại Hội đồng Cổ đông ngày 29 tháng 4 năm 2023, phù hợp với các điều khoản và quy định liên quan đến việc cung cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các cổ đông và những người có liên quan theo Nghị định 71/2017/ND-CP do Chính phủ ban hành ngày 6 tháng 6 năm 2017 quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngân VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải thu ngắn hạn khác (TM số 9)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	HTKD Lãi cho vay Cho mượn Khác	350.000.000 151.647.432 6.071.507 22.000	- 68.960.638 1.300.000 22.000
Công ty Cổ phần Chế biến Thức ăn Gia súc Đông Gia Lai	Công ty liên quan	Lãi cho vay Cho mượn	4.418.370 -	4.115.880 800.535
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty con	Lãi cho vay	-	649.991.651
Các bên liên quan khác	Bên liên quan khác	Khác	2.388.638	429.400
			514.547.947	725.620.104
Phải thu dài hạn khác (TM số 9)				
Công ty TNHH Phát triển Nông nghiệp Hoàng Anh Attapeu	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	10.353.402	10.342.357
Công ty TNHH CN&NN Cao su Hoàng Anh - Quang Minh	Công ty con của Công ty có cùng thành viên HĐQT	Lãi cho vay	1.589.890	1.588.193
Ông Lê Văn Thạch	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	212.055	15.698.411
Công ty Cổ phần Lê Me	Công ty liên quan (đến ngày 19 tháng 6 năm 2023)	HĐHTKD Lãi cho vay	-	440.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	-	27.303.606
Ông Nguyễn Ngọc Mai	Giám đốc công ty con	Lãi cho vay	-	39.398.260
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Lãi cho vay	-	38.862.320
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Lãi cho vay	-	6.257.627
			12.155.347	579.450.774

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Ngàn VND	
			Ngày 30 tháng 6 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
Phải trả người bán ngắn hạn (TM số 18)				
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	22.190.359	20.123.754
Công ty Cổ phần Xuất Nhập khẩu Dược Thú y Nasa	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	16.257.573	8.912.300
Công ty TNHH MTV Bao bì Linh Khang	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	15.645.363	6.856.363
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai	Công ty liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	7.509.227	7.509.227
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Mua hàng hóa và dịch vụ	241.620	3.683.654
			61.844.142	47.085.298
Người mua trả tiền trước ngắn hạn (TM số 19)				
Công ty Cổ phần Gỗ Hoàng Anh Gia Lai - CN Nhà Máy Nhựa	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	8.228.718	8.228.718
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	-	216.352.500
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Ứng tiền mua hàng hóa	70.630	450
			8.299.348	224.581.668
Phải trả ngắn hạn khác (TM số 22)				
Công ty TNHH Dịch vụ Nông nghiệp Tây Nguyên	Công ty liên quan	Mượn tiền	715.275	10.415.275
Ông Trần Quang Dũng	Phó giám đốc công ty con	Khác	468.697	468.697
Công ty Cổ phần Hoàng Anh Mê Kông	Công ty liên quan	Mượn tiền	272.700	272.700
Các bên liên quan khác	Bên liên quan	Khác	44.220	44.652
			1.500.892	11.201.324

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

33. GIAO DỊCH VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đang được hưởng tại Công ty trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	1.251.264	1.479.370
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	941.168	1.260.987
Bà Võ Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	709.201	902.799
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	468.616	756.829
Các cá nhân khác		954.029	1.423.351
TỔNG CỘNG		4.324.278	5.823.336

Ngoài ra, các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc còn được hưởng tại các công ty con trong kỳ như sau:

Tên	Chức vụ	Ngàn VND	
		Thu nhập (*)	
		Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
Bà Hồ Thị Kim Chi	Phó Tổng Giám đốc	74.250	94.500
Ông Võ Trường Sơn	Tổng Giám đốc	45.200	42.300
Ông Đoàn Nguyên Đức	Chủ tịch HĐQT	27.000	31.500
TỔNG CỘNG		146.450	168.300

(*) Bao gồm tiền lương và/hoặc các khoản thù lao khác.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

34. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn thuê các lô đất khác nhau tại Việt Nam, Lào và Campuchia để xây dựng nhà xưởng, câu lạc bộ bóng đá, khách sạn, văn phòng, nuôi gia súc và trồng các loại cây ăn trái. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, tiền thuê cam kết theo hợp đồng thuê các lô đất này được trình bày như sau:

	<i>Ngàn VND</i>	
	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Dưới 1 năm	61.036.620	4.190.459
Từ 1 đến 5 năm	62.580.283	28.248.534
Trên 5 năm	106.494.867	97.558.182
TỔNG CỘNG	<u>230.111.770</u>	<u>129.997.175</u>

Các cam kết bảo lãnh

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023, Công ty đang dùng 64.375.000 cổ phiếu HNG thuộc sở hữu của Công ty để đảm bảo cho các khoản vay của HNG.

Theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 13/23/NQHĐQT-HAGL ngày 10 tháng 8 năm 2023, nhằm mục đích đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ tín dụng của Công ty TNHH Hưng Thịnh Lợi Gia Lai ("Hưng Thịnh Lợi"), công ty con trong Tập đoàn, tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - Chi nhánh Gia Lai với hạn mức tín dụng 500.000.000 ngàn VND trong thời hạn hiệu lực là 12 tháng cho mục đích bổ sung vốn lưu động, Công ty đã cầm cố 30.000.000 cổ phần trong Công ty Cổ phần Chăn nuôi Gia Lai, một công ty con khác của Công ty và cam kết bảo lãnh toàn bộ nghĩa vụ trả nợ của Hưng Thịnh Lợi phát sinh từ các Hợp đồng tín dụng trong hạn mức nêu trên.

Ngoài ra, theo Hợp đồng tín dụng số 01/2015/7694660/HĐTD ký ngày 24 tháng 9 năm 2015 và Hợp đồng tín dụng số 01/2018/7694660/HĐTD ký ngày 2 tháng 10 năm 2018 giữa Công ty Cổ phần Chăn Nuôi Bá Thước ("Bá Thước") và Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thanh Hóa ("BIDV Thanh Hóa"), Tập đoàn đã cam kết bảo lãnh cho Bá Thước vay vốn tại BIDV Thanh Hóa theo Thư bảo lãnh vay vốn số 0109/CV-BLHAGL ký ngày 1 tháng 9 năm 2015 với tổng dư nợ gốc là 160.000.000 ngàn VND cùng toàn bộ lãi, phí và phạt phát sinh (nếu có).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

35. CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

<i>CHỈ TIÊU</i>	<i>Ngày 30 tháng 6 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
Các loại ngoại tệ:		
- Đồng KIP Lào (LAK)	4.370.348.878	4.065.442.997
- Đô la Mỹ (USD)	71.281	322.796
- Đồng Euro (EUR)	174	179
Nợ khó đòi đã xử lý		
- Công ty TNHH MTV Xây Lắp Điện	6.992.216	6.992.216
- Công ty TNHH MTV Khoáng sản Hoàng Anh GL - Kontum	3.720.000	3.720.000

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu, theo đó:

- Doanh thu bộ phận bán hàng ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng, nếu doanh thu bán hàng ra bên ngoài của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng doanh thu trở lên của doanh nghiệp bán hàng ra bên ngoài;
- Tổng giá trị còn lại của tài sản bộ phận theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của mỗi bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của toàn bộ các khu vực địa lý; và
- Tổng chi phí đã phát sinh trong năm để mua tài sản cố định - tài sản bộ phận dự kiến sẽ sử dụng nhiều hơn một năm (TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình và các tài sản dài hạn khác) theo vị trí của tài sản, nếu tài sản của bộ phận đó chiếm từ 10% tổng tài sản trở lên của các bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn được xác định theo địa điểm của tài sản của Tập đoàn. Doanh thu bán hàng ra bên ngoài trình bày trong bộ phận theo khu vực địa lý được xác định dựa trên địa điểm địa lý của khách hàng của Tập đoàn.

Nhằm phục vụ công tác quản lý, Tập đoàn được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm và dịch vụ và bao gồm các bộ phận báo cáo theo hoạt động như sau:

- Sản xuất: sản xuất và bán phân bón, ống nhựa và các công cụ dụng cụ khác dùng trong nông nghiệp;
- Thương mại và dịch vụ: quản lý tài sản và mua bán hàng hóa;
- Xây dựng: xây dựng chuồng trại; và
- Nông nghiệp: trồng và thu hoạch cây ăn quả, chăn nuôi heo, bò.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các bộ phận được quản lý riêng biệt nhằm phục vụ cho việc ra quyết định, phân bổ nguồn lực và đánh giá thành tích. Thành tích của các bộ phận được đánh giá dựa trên kết quả lãi lỗ mà trên một số khía cạnh, như được trình bày trong bảng dưới đây, được đo lường khác với kết quả hoạt động kinh doanh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ. Nguồn tài trợ, bao gồm thu nhập và chi phí từ hoạt động tài chính; và thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý tập trung ở cấp độ Tập đoàn chứ không phân bổ cho các bộ phận.

Báo cáo bộ phận của hoạt động kinh doanh khách sạn và bóng đá đã được trình bày vào hoạt động thương mại và dịch vụ trong năm vì đây không phải là hoạt động chính của Tập đoàn hiện nay.

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo) 36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	540.781.638	1.489.261.666	-	2.030.043.304
Giữa các bộ phận	662.516.353	275.537.767	(938.054.120)	-
Tổng cộng	1.203.297.991	1.764.799.433	(938.054.120)	2.030.043.304
Kết quả của bộ phận	33.543.960	431.918.600	-	465.462.560
Chi phí không phân bổ				772.284.383
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				1.237.746.943
Thu nhập tài chính				287.796.265
Chi phí tài chính				(1.061.789.304)
Lỗ từ công ty liên kết				-
Lợi nhuận trước thuế				463.753.904
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(1.562.650)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				60.650.477
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong năm				522.841.731
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Tài sản và nợ phải trả				19.726.015.028
Tài sản của bộ phận	8.971.635.994	10.754.379.034	-	72.372.525
Tiền				-
Đầu tư vào công ty liên kết				19.798.387.553
Tổng tài sản				(14.187.637.518)
Nợ phải trả của bộ phận	(7.462.073.561)	(6.725.563.957)	-	(416.006.694)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(416.006.694)	-	(14.603.644.212)
Tổng nợ phải trả				(14.603.644.212)

Công ty Cổ phần Hoàng Anh Gia Lai

B09a-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.1 Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Thương mại và dịch vụ	Nông nghiệp	Loại trừ	Tổng cộng
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023				
<i>Doanh thu</i>				
Từ khách hàng bên ngoài	843.250.929	2.301.610.154	-	3.144.861.083
Giữa các bộ phận	727.147.376	208.140.082	(935.287.458)	-
Tổng cộng	1.570.398.305	2.509.750.236	(935.287.458)	3.144.861.083
Kết quả của bộ phận	45.618.009	582.921.211	-	628.539.220
Chi phí không phân bổ				51.944.880
Lợi nhuận trước thuế, thu nhập tài chính và chi phí tài chính				680.484.100
Thu nhập tài chính				255.811.085
Chi phí tài chính				(553.807.404)
Lỗ từ công ty liên kết				(11.069.302)
Lợi nhuận trước thuế				371.418.479
Chi phí thuế TNDN hiện hành				(6.384.733)
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại				20.156.569
Lợi nhuận sau thuế TNDN trong kỳ				385.190.315
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023				
Tài sản và nợ phải trả				20.845.729.870
Tài sản của bộ phận	7.551.303.874	13.294.425.996	-	50.076.560
Tiền				16.888.792
Đầu tư vào công ty liên kết				20.912.695.222
Tổng tài sản				(15.291.401.121)
Nợ phải trả của bộ phận	(6.856.817.155)	(8.434.583.966)	-	(398.606.741)
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	(398.606.741)	-	(15.690.007.862)
Tổng nợ phải trả				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

36. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

36.2 Bộ phận theo khu vực địa lý

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo khu vực địa lý của Tập đoàn như sau.

	Việt Nam	Lào	Campuchia	Khác	Ngân VND
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	1.500.021.977	316.112.900	-	213.908.427	2.030.043.304
Chi phí hình thành tài sản cố định	129.315.026	142.195.889	-	-	271.510.915
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2022					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	16.673.301.935	3.052.713.093	-	-	19.726.015.028
Tiền					72.372.525
Đầu tư vào công ty liên kết					
Tổng tài sản					19.798.387.553
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023					
<i>Doanh thu</i>					
Doanh thu từ khách hàng bên ngoài	2.454.144.936	394.205.111	30.784.941	265.726.095	3.144.861.083
Chi phí hình thành tài sản cố định	43.398.456	52.649.382	-	-	96.047.838
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2023					
<i>Các thông tin bộ phận khác</i>					
Tài sản bộ phận	16.269.531.235	3.629.120.706	947.077.929	-	20.845.729.870
Tiền					50.076.560
Đầu tư vào công ty liên kết					16.888.792
Tổng tài sản					20.912.695.222

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2023 và cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày

37. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN


Ngoài sự kiện được đề cập ở Thuyết minh số 34, không có các sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.



Phạm Thị Thu Hà
Người lập



Lê Trương Y Trâm
Kế toán trưởng



Võ Trường Sơn
Tổng Giám đốc

Tỉnh Gia Lai, Việt Nam

Ngày 29 tháng 8 năm 2023